

**CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /ND-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

## **NGHỊ ĐỊNH**

### **Quy định một số nội dung về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định một số nội dung về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo.

## **CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định phân loại, xác định và công nhận các tổ chức, cá nhân liên quan đến đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo.

#### **2. Đối tượng áp dụng**

Nghị định này áp dụng đối với các đối tượng sau:

- Các trung tâm đổi mới sáng tạo;
- Các cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;
- Các cá nhân, tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo;
- Các cá nhân, tổ chức thực hiện quản lý nhà nước về đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo và các cá nhân, tổ chức khác có liên quan.

### **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Khoa học* là hệ thống tri thức về bản chất, quy luật tồn tại và phát triển của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy.

2. *Hoạt động nghiên cứu khoa học* là hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn.

3. *Tổ chức khoa học và công nghệ* là tổ chức có chức năng chủ yếu là nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ, được thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật.

4. *Nghiên cứu và phát triển* là hoạt động sáng tạo được thực hiện có hệ thống nhằm khám phá, mở rộng và cải biến tri thức hiện có, kết hợp với triển khai thực nghiệm để tạo ra tri thức mới, công nghệ, sản phẩm hoặc phương thức có khả năng áp dụng vào thực tiễn.

5. *Công nghệ* là giải pháp, quy trình, bí quyết kỹ thuật có kèm theo hoặc không kèm theo công cụ, phương tiện dùng để biến đổi nguồn lực thành sản phẩm.

6. *Phát triển công nghệ* là hoạt động sử dụng kết quả nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, thông qua việc triển khai thực nghiệm và sản xuất thử nghiệm để hoàn thiện công nghệ hiện có, tạo ra công nghệ mới.

7. *Tổ chức nghiên cứu và phát triển* là tổ chức có chức năng nghiên cứu tạo ra công nghệ mới, hoàn thiện công nghệ hiện có, tạo ra giải pháp, quy trình, bí quyết kỹ thuật, vật liệu sản xuất, sản phẩm mẫu, mô hình mẫu trước khi đưa vào sản xuất và đời sống.

8. *Dịch vụ khoa học và công nghệ* là hoạt động phục vụ, hỗ trợ kỹ thuật cho việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, an toàn bức xạ, hạt nhân và năng lượng nguyên tử; dịch vụ về thông tin, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

9. *Hoạt động đổi mới sáng tạo* là hoạt động nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ, triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ, khai thác tài sản trí tuệ và các hoạt động cần thiết khác để tạo ra hàng hoá mới, dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới, quy trình mới hoặc cải tiến đáng kể so với hàng hoá, dịch vụ, mô hình kinh doanh, quy trình đã có; đồng thời phải được áp dụng vào thực tiễn sản xuất kinh doanh để tạo ra giá trị gia tăng và mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội.

10. *Trung tâm đổi mới sáng tạo* được thành lập theo quy định của pháp luật dưới hình thức đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp và các loại hình tổ chức khác để liên tục tạo ra sản phẩm mới, dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới, quy trình mới hoặc cải tiến đáng kể so với sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh, quy trình đã có; đồng thời phải được áp dụng vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh để tạo ra giá trị gia tăng, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội.

11. *Cá nhân, nhóm cá nhân khởi nghiệp sáng tạo* là một người, một nhóm người hoạt động nghiên cứu, phát triển ý tưởng công nghệ và kinh doanh sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới.

12. *Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo* là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật để thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh.

13. *Cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo* là cơ sở cung cấp các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật, nguồn lực và dịch vụ cần thiết cho các tổ chức, cá nhân hoàn thiện ý tưởng công nghệ, tài sản trí tuệ, mô hình kinh doanh mới, phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong giai đoạn mới thành lập.

14. *Khu tập trung dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo* là nơi có cơ sở hạ tầng, không gian làm việc chung, tổ chức sự kiện, tổ chức cung cấp dịch vụ, đào tạo, đầu tư, hỗ trợ đầu tư và các dịch vụ cần thiết khác cho khởi nghiệp sáng tạo.

15. *Cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo* là cơ sở cung cấp các thiết bị dùng chung để hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thiết kế, thử nghiệm, đo lường, phân tích, giám định, kiểm định sản phẩm, hàng hóa, vật liệu.

16. *Khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (sau đây gọi là khu làm việc chung)* là khu vực cung cấp không gian làm việc tập trung, không gian trưng bày sản phẩm, cung cấp các tiện ích để hỗ trợ, liên kết các cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

17. *Tổ chức thúc đẩy kinh doanh* là tổ chức hỗ trợ cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo phát triển mô hình kinh doanh, tiếp cận nguồn vốn đầu tư thông qua các khóa huấn luyện tập trung và các ngày hội đầu tư.

18. *Chuyên gia khởi nghiệp sáng tạo* là người có kiến thức, kinh nghiệm trong việc nâng cao năng lực và kết nối các đối tượng của hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo thông qua hoạt động đào tạo, tư vấn chính sách, tư vấn hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.

19. *Dự án khởi nghiệp sáng tạo* là ý tưởng kinh doanh mới dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ hoặc mô hình kinh doanh mới, có tiềm năng tăng trưởng nhanh.

20. *Tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo* bao gồm: tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; trung tâm hỗ trợ đổi mới sáng tạo; trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; khu tập trung dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp sáng tạo; tổ chức thúc đẩy kinh doanh.

## CHƯƠNG II. PHÂN LOẠI VÀ TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH

### Điều 3. Phân loại trung tâm đổi mới sáng tạo

1. Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia: Là trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; hoặc trung tâm đổi mới sáng tạo đáp ứng quy định tại khoản 1, 2 Điều 4 Nghị định này và được Bộ Khoa học và Công nghệ công nhận theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.

2. Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh): Là trung tâm đổi mới sáng tạo đáp ứng quy định tại khoản 1, 3 Điều 4 Nghị định này và được Bộ Khoa học và Công nghệ công nhận theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.

3. Trung tâm đổi mới sáng tạo khác: Là trung tâm đổi mới sáng tạo không thuộc khoản 1 và khoản 2 Điều này (sau đây gọi là trung tâm đổi mới sáng tạo).

#### **Điều 4. Tiêu chí xác định trung tâm đổi mới sáng tạo**

1. Trung tâm đổi mới sáng tạo đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau:

a) Được thành lập theo quy định của pháp luật dưới hình thức đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp và các loại hình tổ chức khác.

b) Thực hiện một hoặc một số hoạt động nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ; triển khai thực nghiệm; sản xuất thử nghiệm; nhận chuyển giao công nghệ; khai thác tài sản trí tuệ để **liên tục** tạo ra sản phẩm mới, dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới, quy trình mới hoặc cải tiến đáng kể so với sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh, quy trình đã có (sau đây gọi là **sản phẩm mới**).

c) Sản phẩm mới **phải được áp dụng** vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh để **tạo ra giá trị** gia tăng, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội.

d) Có cơ sở hạ tầng, các nguồn lực đáp ứng yêu cầu hoạt động đổi mới sáng tạo của tổ chức theo chức năng, nhiệm vụ.

2. Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chí sau:

a) Có vai trò quan trọng nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia;

b) Sản phẩm mới tạo ra có tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và giải quyết các vấn đề liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, liên vùng trong phạm vi cả nước;

c) Đảm bảo số lượng người làm việc tối thiểu là 30 người, trong đó tối thiểu 50% số lượng người làm việc có trình độ đại học trở lên phù hợp với ngành, lĩnh vực hoạt động;

d) Đảm bảo hoặc cam kết đảm bảo (đối với trung tâm thành lập mới) doanh thu hằng năm từ sản phẩm mới tạo ra đạt 200 tỷ đồng trở lên hoặc doanh thu từ sản phẩm mới tạo ra của năm sau so với năm trước liền kề tăng đạt 150% trở lên.

3. Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chí sau:

- a) Có vai trò quan trọng nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ địa phương;
- b) Sản phẩm mới tạo ra có tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của địa phương;
- c) Đảm bảo số lượng người làm việc tối thiểu là 15 người, trong đó tối thiểu 50% số lượng người làm việc có trình độ đại học trở lên phù hợp với ngành, lĩnh vực hoạt động;
- d) Đảm bảo hoặc cam kết đảm bảo (đối với trung tâm thành lập mới) doanh thu hằng năm từ sản phẩm mới tạo ra đạt 50 tỷ đồng trở lên hoặc doanh thu từ sản phẩm mới tạo ra của năm sau so với năm trước liền kề tăng đạt 150% trở lên.

#### **Điều 5. Tiêu chí xác định cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo**

##### 1. Tiêu chí xác định cá nhân, nhóm cá nhân khởi nghiệp sáng tạo

- a) Là công dân Việt Nam, có sức khỏe tốt, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, thường trú tại Việt Nam; nếu là công dân nước ngoài thì phải có giấy xác nhận thông tin về cư trú hợp pháp tại Việt Nam.
- b) Có dự án khởi nghiệp sáng tạo, kế hoạch thực hiện, mô hình kinh doanh cho dự án khởi nghiệp sáng tạo, và các phiên bản mẫu của sản phẩm, dịch vụ để thử nghiệm ý tưởng từ dự án khởi nghiệp sáng tạo.
- c) Có tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới đã được đầu tư hoặc cam kết đầu tư bởi các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, quỹ đầu tư mạo hiểm, nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng tạo; hoặc được hỗ trợ hoặc cam kết hỗ trợ bởi tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo.

##### 2. Tiêu chí xác định doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo

- a) Được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.
- b) Đáp ứng quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này.

#### **Điều 6. Phân loại tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo**

1. Tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo cấp quốc gia: Là tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo đáp ứng quy định tại Điều 8 Nghị định này và được Bộ Khoa học và Công nghệ công nhận theo quy định tại Điều 15 Nghị định này.

2. Tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh): Là tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo đáp ứng quy định tại Điều 9 Nghị định này và được Bộ Khoa học và Công nghệ công nhận theo quy định tại Điều 15 Nghị định này.

3. Tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo khác: Là tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo không thuộc khoản 1 và khoản 2

Điều này (sau đây gọi là tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo).

**Điều 7. Tiêu chí xác định tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo**

1. Được thành lập theo quy định của pháp luật dưới hình thức đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp và các loại hình tổ chức khác.

2. Thực hiện một hoặc một số hoạt động sau:

a) Hỗ trợ tìm kiếm, phân tích, đánh giá, lựa chọn công nghệ phục vụ phát triển sản phẩm mới, dịch vụ mới;

b) Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn và phổ biến, nhân rộng công nghệ, tiến bộ kỹ thuật;

c) Cung cấp dịch vụ thiết kế, chế tạo, thử nghiệm công nghệ mới, sản phẩm mới, dịch vụ mới; dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; dịch vụ kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng; dịch vụ giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa; dịch vụ chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý; dịch vụ công nhận tổ chức đánh giá sự phù hợp;

d) Cung cấp trang thiết bị và cơ sở vật chất kỹ thuật, hỗ trợ kỹ thuật, phát triển, kiểm thử và tối ưu hóa công nghệ, sản phẩm, dịch vụ cho tổ chức, cá nhân;

đ) Cung cấp chuyên gia, hỗ trợ tư vấn xây dựng hồ sơ, đăng ký sở hữu trí tuệ; khai thác, quản trị tài sản trí tuệ; tư vấn, hỗ trợ xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ; hỗ trợ tư vấn pháp lý cho đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo;

e) Cung cấp, triển khai các khoá đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện, tư vấn lập kế hoạch, chiến lược phát triển, quản lý kinh doanh, pháp lý, tài chính, đàm phán, đánh giá, thẩm định giá, chuyển giao, hấp thụ công nghệ;

g) Cung cấp các chương trình ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; tăng tốc khởi nghiệp sáng tạo;

h) Cung cấp không gian làm việc chung, không gian trưng bày sản phẩm, tiện ích văn phòng phục vụ cho hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo;

i) Hỗ trợ xây dựng chiến lược gọi vốn, huy động vốn cho cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; kết nối đầu tư, tài chính, thương mại cho tổ chức, cá nhân đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo;

k) Tổ chức hoạt động trình diễn kết nối cung - cầu công nghệ, các sự kiện về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo;

l) Cung cấp các hoạt động, dịch vụ hỗ trợ cần thiết khác cho đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo.

3. Có nhân lực, hạ tầng cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu theo lĩnh vực hoạt động của tổ chức theo quy định tại Mẫu số III.04 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

**Điều 8. Tiêu chí xác định tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo cấp quốc gia**

1. Đáp ứng quy định tại Điều 7 Nghị định này.
2. Có vai trò quan trọng trong nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo quốc gia.
3. Có khả năng hỗ trợ phát triển, tạo ra các công nghệ, sản phẩm, mô hình kinh doanh mới có tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và giải quyết các vấn đề liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, liên vùng trong phạm vi cả nước.
4. Có năng lực kết nối, hỗ trợ, hợp tác với các tổ chức, mạng lưới đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo trong nước và thế giới.
5. Đảm bảo số lượng người làm việc tối thiểu là 30 người, trong đó tối thiểu 50% số lượng người làm việc có trình độ đại học trở lên phù hợp với ngành, lĩnh vực hoạt động.
6. Đã hỗ trợ hoặc hoặc đảm bảo, cam kết đảm bảo hỗ trợ hằng năm 50 dự án, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, hoặc kết nối đầu tư 100 cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo với quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.

**Điều 9. Tiêu chí xác định tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh**

1. Đáp ứng quy định tại Điều 7 Nghị định này.
2. Có vai trò quan trọng trong nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo địa phương.
3. Có khả năng hỗ trợ phát triển, tạo ra các công nghệ, sản phẩm, mô hình kinh doanh mới có tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của địa phương.
4. Có năng lực kết nối, hỗ trợ, hợp tác với các tổ chức, mạng lưới đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo của tỉnh, vùng, quốc gia.
5. Đảm bảo số lượng người làm việc tối thiểu là 15 người, trong đó tối thiểu 50% số lượng người làm việc có trình độ đại học trở lên phù hợp với ngành, lĩnh vực hoạt động.
6. Đã hỗ trợ hoặc hoặc đảm bảo, cam kết đảm bảo hỗ trợ hằng năm 30 dự án, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, hoặc kết nối đầu tư 50 cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo với quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.

**Điều 10. Tiêu chí xác định chuyên gia hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo**

1. Là công dân Việt Nam, có sức khỏe tốt, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, thường trú tại Việt Nam; nếu là công dân nước ngoài thì phải có xác nhận cư trú

hợp pháp tại Việt Nam.

2. Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.

3. Có chuyên môn phù hợp với hoạt động hỗ trợ, đang làm việc tại tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo được công nhận.

4. Thực hiện một hoặc một số hoạt động sau:

a) Đào tạo nâng cao năng lực cho cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo; cố vấn hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo; nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng tạo.

b) Hoạt động tư vấn về marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; khai thác thông tin công nghệ, sáng chế; thanh toán, tài chính; đánh giá, định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ; pháp lý, sở hữu trí tuệ, đầu tư, thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ; xây dựng, phát triển mạng lưới các tổ chức tăng tốc khởi nghiệp sáng tạo; xây dựng mạng lưới nhà đầu tư cá nhân và mạng lưới quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo;

c) Hoạt động tư vấn về xây dựng chương trình truyền thông về hoạt động khởi nghiệp sáng tạo; kết nối các mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo, đầu tư mạo hiểm; giới thiệu đối tác, nhà đầu tư, hỗ trợ thủ tục nhà đầu tư, doanh nghiệp trong nước tiếp cận thị trường nước ngoài;

d) Hoạt động của chuyên gia tư vấn chính sách hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo: Tư vấn, phản biện, khuyến nghị về chính sách, pháp luật về đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo.

5. Có trình độ đào tạo (bằng cử nhân hoặc văn bằng trình độ tương đương theo quy định pháp luật), trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kinh nghiệm công tác liên quan đến lĩnh vực hoạt động.

6. Có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hoạt động.

### **CHƯƠNG III. CÔNG NHẬN, CẤP LẠI, CHẤM DỨT, HUỖ BỎ GIẤY CÔNG NHẬN**

**Điều 11. Hội đồng tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia, Hội đồng tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh**

1. Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định này thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia, Hội đồng tư vấn thẩm định



hồ sơ yêu cầu công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh (sau đây gọi là Hội đồng).

## 2. Thành phần Hội đồng:

a) Hội đồng tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia có tổng số 9 hoặc 11 thành viên;

b) Hội đồng tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh có tổng số 7 hoặc 9 thành viên;

c) Thành phần Hội đồng gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các ủy viên hội đồng, trong đó 02 ủy viên phản biện là các ủy viên hội đồng am hiểu sâu lĩnh vực của hồ sơ yêu cầu công nhận. Hội đồng có ít nhất 1/2 thành viên là các chuyên gia có uy tín, có tinh thần trách nhiệm, có trình độ, chuyên môn phù hợp, am hiểu sâu lĩnh vực đổi mới sáng tạo được giao tư vấn và có ít nhất 5 năm kinh nghiệm hoạt động gần đây trong lĩnh vực đổi mới sáng tạo được giao tư vấn; phần còn lại là đại diện của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan hoạch định chính sách, Bộ, ngành, tổng công ty, tập đoàn kinh tế và doanh nghiệp. Các cá nhân có liên quan đến tổ chức yêu cầu công nhận không được tham gia Hội đồng.

## 3. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng

a) Phiên họp của Hội đồng phải có mặt ít nhất 3/4 số thành viên của Hội đồng, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch chủ trì phiên họp và có đủ 02 ủy viên phản biện. Ý kiến bằng văn bản của các thành viên vắng mặt chỉ có giá trị tham khảo. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thành lập Hội đồng mời các chuyên gia ở ngoài Hội đồng có am hiểu sâu lĩnh vực của hồ sơ yêu cầu công nhận làm chuyên gia phản biện để đánh giá hồ sơ yêu cầu công nhận;

b) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan; chịu trách nhiệm cá nhân về tính khách quan, tính chính xác đối với các nội dung trong hồ sơ yêu cầu cấp Giấy công nhận và chịu trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng.

## 4. Trình tự làm việc của Hội đồng

a) Hội đồng phân công 01 ủy viên làm thư ký Hội đồng để ghi chép ý kiến của các thành viên, biên bản về kết quả làm việc của Hội đồng và các văn bản khác có liên quan.

b) Các ủy viên phản biện trình bày ý kiến, nhận xét về từng nội dung và thông tin đã kê khai trong hồ sơ yêu cầu công nhận; đánh giá cụ thể mặt mạnh, mặt yếu theo các yêu cầu đã quy định.

c) Hội đồng thảo luận, góp ý về từng tiêu chí, điều kiện đánh giá liên quan đến hồ sơ yêu cầu công nhận. Trong trường hợp mời các chuyên gia phản biện ở ngoài

Hội đồng, sau khi trả lời các câu hỏi của các thành viên Hội đồng, các chuyên gia phản biện không tiếp tục dự phiên họp của Hội đồng;

d) Hội đồng tiến hành bỏ phiếu đánh giá về hồ sơ yêu cầu công nhận. Hội đồng bầu Ban kiểm phiếu (gồm 03 thành viên Hội đồng, trong đó có một Trưởng ban) và tiến hành bỏ phiếu (theo phương thức bỏ phiếu kín) về việc đồng ý hay không đồng ý công nhận;

đ) Trên cơ sở kết quả làm việc của Ban kiểm phiếu, hồ sơ yêu cầu công nhận phải được ít nhất 3/4 số thành viên Hội đồng có mặt tại phiên họp bỏ phiếu “đồng ý công nhận”. Hội đồng lập biên bản về kết quả làm việc Hội đồng gửi cơ quan có thẩm quyền thành lập Hội đồng.

#### 5. Biểu mẫu của Hội đồng:

a) Biểu mẫu của Hội đồng tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia theo Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Biểu mẫu của Hội đồng tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này.

6. Trên cơ sở kết luận của Hội đồng, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định này xem xét công nhận và cấp Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia, Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia hoặc từ chối công nhận.

### **Điều 12. Công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia, cấp tỉnh**

1. Tổ chức yêu cầu công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia hoặc trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh gửi hồ sơ theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định này.

Hồ sơ yêu cầu công nhận bao gồm:

a) Yêu cầu công nhận theo Mẫu số I.01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Thuyết minh tổ chức đáp ứng tiêu chí xác định trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia theo Mẫu số I.02 Phụ lục I, thuyết minh tổ chức đáp ứng tiêu chí xác định trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh theo Mẫu số I.03 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Các tài liệu chứng minh đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 4 hoặc khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

#### 2. Phương thức công nhận:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định này có trách nhiệm trả lời tổ chức về tính hợp lệ của hồ sơ;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ

quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định này thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia hoặc Hội đồng tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh theo quy định tại Điều 11 Nghị định này;

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày có kết luận của Hội đồng, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định này có trách nhiệm xem xét công nhận và cấp Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia theo Mẫu số I.05 Phụ lục I hoặc Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh theo Mẫu số I.06 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định hoặc từ chối công nhận.

3. Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia, cấp tỉnh có thời hạn hiệu lực 05 năm kể từ ngày công nhận.

4. Trước khi Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia, cấp tỉnh hết thời hạn hiệu lực 60 ngày, nếu có nhu cầu tiếp tục công nhận, tổ chức thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

### **Điều 13. Công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo**

1. Tổ chức quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này khi có nhu cầu công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo gửi hồ sơ theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định này.

Hồ sơ yêu cầu công nhận gồm:

- a) Yêu cầu công nhận theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định này;
- b) Thuyết minh tổ chức đáp ứng tiêu chí xác định trung tâm đổi mới sáng tạo theo Mẫu số I.04 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;
- c) Các tài liệu chứng minh đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này.

2. Phương thức công nhận:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định này có trách nhiệm trả lời tổ chức về tính hợp lệ của hồ sơ;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định này xem xét công nhận và cấp Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo theo Mẫu số I.07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này hoặc từ chối công nhận.

b) Trong trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định này thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo. Thành phần, nguyên tắc làm việc, trình tự làm việc của Hội đồng được thực hiện theo quy định tương ứng tại điểm b và điểm c khoản 2, 3 và 4 Điều 11 Nghị định này. Các biểu mẫu của Hội đồng theo Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định này. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày

có kết luận của Hội đồng, cơ quan có thẩm quyền xem xét công nhận và cấp Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo Mẫu số I.07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này hoặc từ chối công nhận.

4. Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo có thời hạn hiệu lực 05 năm kể từ ngày công nhận.

5. Trước khi Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo hết thời hạn hiệu lực 60 ngày, nếu có nhu cầu tiếp tục công nhận, tổ chức thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

#### **Điều 14. Công nhận cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo**

1. Cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp có nhu cầu công nhận cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo gửi hồ sơ theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định này.

Hồ sơ yêu cầu công nhận bao gồm:

a) Yêu cầu công nhận cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo theo Mẫu số II.01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp;

c) Thuyết minh cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp đáp ứng tiêu chí xác định cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo theo Mẫu số II.02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

d) Tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu công nhận cá nhân, nhóm cá nhân khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại khoản 1 Điều 5 hoặc tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu công nhận doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này.

2. Phương thức công nhận:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định này có trách nhiệm trả lời cá nhân, nhóm cá nhân về tính hợp lệ của hồ sơ.

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định này xem xét công nhận và cấp Giấy công nhận cá nhân, nhóm cá nhân khởi nghiệp sáng tạo theo Mẫu số II.03 Phụ lục II hoặc cấp Giấy công doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo theo Mẫu số II.04 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này hoặc từ chối công nhận.

c) Trong trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định này có thể thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận cá nhân, nhóm cá nhân khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Thành phần, nguyên tắc làm việc, trình tự làm việc của Hội đồng được

thực hiện theo quy định tương ứng tại điểm b và điểm c khoản 2, 3 và 4 Điều 11 Nghị định này. Các biểu mẫu của Hội đồng theo Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định này. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày có kết luận của Hội đồng, cơ quan có thẩm quyền xem xét công nhận và cấp Giấy công nhận cá nhân, nhóm cá nhân khởi nghiệp sáng tạo theo Mẫu số II.03 Phụ lục II hoặc cấp Giấy công doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo theo Mẫu số II.04 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này hoặc từ chối công nhận.

4. Giấy công nhận cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có thời hạn hiệu lực 05 năm kể từ ngày công nhận.

5. Trước khi Giấy công nhận cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hết thời hạn hiệu lực 60 ngày, nếu có nhu cầu tiếp tục công nhận, cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

### **Điều 15. Công nhận tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo cấp quốc gia, cấp tỉnh**

1. Tổ chức yêu cầu công nhận tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo cấp quốc gia hoặc tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh gửi hồ sơ theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định này.

Hồ sơ yêu cầu công nhận bao gồm:

a) Yêu cầu công nhận theo Mẫu số III.01 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Thuyết minh tổ chức đáp ứng tiêu chí xác định tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo cấp quốc gia theo Mẫu số III.02 Phụ lục III, thuyết minh tổ chức đáp ứng tiêu chí xác định tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh theo Mẫu số III.03 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu công nhận tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo cấp quốc gia theo quy định tại Điều 8 hoặc tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu công nhận tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh theo quy định tại Điều 9 Nghị định này

#### **2. Phương thức công nhận**

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định này có trách nhiệm trả lời về tính hợp lệ của hồ sơ.

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo cấp quốc gia hoặc Hội đồng tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận tổ chức

hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh. Thành viên, nguyên tắc làm việc, trình tự làm việc của Hội đồng được thực hiện theo quy định tương ứng tại Điều 11, các biểu mẫu theo Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định này.

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ có kết luận của Hội đồng, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 có trách nhiệm xem xét công nhận và cấp Giấy công nhận tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo cấp quốc gia theo Mẫu số III.05 Phụ lục III, Giấy công nhận tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh theo Mẫu số III.06 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này hoặc từ chối công nhận.

3. Giấy công nhận tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo cấp quốc gia, cấp tỉnh có hiệu lực 05 năm kể từ ngày công nhận.

4. Trước khi Giấy công nhận tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo cấp quốc gia, cấp tỉnh hết thời hạn hiệu lực 60 ngày, nếu có nhu cầu tiếp tục công nhận, tổ chức lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

### **Điều 16. Công nhận tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo**

1. Tổ chức có nhu cầu công nhận tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo gửi hồ sơ theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định này.

Hồ sơ yêu cầu công nhận gồm:

- a) Yêu cầu công nhận theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định này;
- b) Thuyết minh tổ chức đáp ứng tiêu chí xác định tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo theo Mẫu số III.04 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này;
- c) Tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu công nhận tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại Điều 7 Nghị định này.

#### **2. Hình thức công nhận**

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định này có trách nhiệm trả lời tổ chức về tính hợp lệ của hồ sơ.

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định này xem xét công nhận và cấp Giấy công nhận tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo theo Mẫu số III.07 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này hoặc từ chối công nhận.

c) Trong trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định này có thể thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo. Thành phần, nguyên tắc làm việc, trình tự làm việc của Hội đồng được thực hiện theo quy định

tương ứng tại điểm b và điểm c khoản 2, 3 và 4 Điều 11 Nghị định này. Các biểu mẫu của Hội đồng theo Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định này. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày có kết luận của Hội đồng tư vấn thẩm định, cơ quan có thẩm quyền xem xét công nhận và cấp Giấy công nhận tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo theo Mẫu số III.07 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này hoặc từ chối công nhận.

3. Giấy công nhận tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo có thời hạn hiệu lực 05 năm kể từ ngày công nhận.

4. Trước khi Giấy công nhận tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo hết thời hạn hiệu lực 60 ngày, nếu có nhu cầu tiếp tục công nhận, tổ chức thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

### **Điều 17. Công nhận chuyên gia hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo**

1. Cá nhân có nhu cầu công nhận chuyên gia hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo gửi hồ sơ theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định này.

Hồ sơ yêu cầu công nhận bao gồm:

- a) Yêu cầu công nhận là chuyên gia hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo theo Mẫu số III.07 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này;
- b) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân;
- c) Hồ sơ năng lực theo Mẫu số III.08 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này;
- d) Bản sao có chứng thực văn bằng đào tạo; bản sao có chứng thực các văn bản, giấy tờ liên quan đến trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kinh nghiệm công tác.

2. Phương thức công nhận:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu công nhận, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định này có trách nhiệm trả lời cá nhân về tính hợp lệ của hồ sơ.

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định này xem xét công nhận và cấp Giấy công nhận chuyên gia hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo theo Mẫu số III.14 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Giấy công nhận chuyên gia hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo có thời hạn hiệu lực 05 năm kể từ ngày công nhận.

4. Trước khi Giấy công nhận chuyên gia hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo hết thời hạn hiệu lực 60 ngày, nếu có nhu cầu tiếp tục công nhận, cá nhân thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

### **Điều 18. Cấp lại Giấy công nhận**

1. Giấy công nhận được cấp lại trong các trường hợp sau:

- a) Thay đổi thông tin của tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân;
- b) Giấy công nhận bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác.

2. Hồ sơ yêu cầu cấp lại Giấy công nhận được gửi trực tiếp hoặc trực tuyến về cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy công nhận quy định tại khoản 1 Điều 28 hoặc khoản 1 Điều 29 Nghị định này và gồm các tài liệu sau:

a) Yêu cầu cấp lại Giấy công nhận theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Văn bản, tài liệu chứng minh về việc thay đổi thông tin, điều chỉnh, bổ sung hoặc văn bản cam kết về việc giấy công nhận bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác;

c) Bản gốc Giấy công nhận (trong trường hợp thay đổi thông tin của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, nhóm cá nhân).

3. Thời hạn thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp lại Giấy công nhận:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 hoặc khoản 1 Điều 29 Nghị định này có trách nhiệm trả lời tổ chức về tính hợp lệ của hồ sơ;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 hoặc khoản 1 Điều 29 Nghị định này xem xét cấp lại hoặc từ chối cấp lại Giấy công nhận.

4. Giấy công nhận cấp lại theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Thời hạn hiệu lực của Giấy công nhận trong trường hợp cấp lại được ghi theo thời hạn hiệu lực của Giấy công nhận đã được cấp.

**Điều 19. Chấm dứt, hủy bỏ hiệu lực Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, cấp tỉnh, cấp quốc gia; Giấy công nhận tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo, cấp tỉnh, cấp quốc gia**

1. Giấy công nhận bị chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức được công nhận bị tạm ngừng, đình chỉ hoạt động hoặc chấm dứt tồn tại pháp nhân;

b) Tổ chức có yêu cầu chấm dứt công nhận;

c) Tổ chức đã được công nhận là trung tâm đổi mới sáng tạo, cấp tỉnh, cấp quốc gia không đáp ứng quy định tại Điều 4 Nghị định này;

d) Tổ chức đã được công nhận là tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo, cấp tỉnh, cấp quốc gia không đáp ứng quy định tương ứng tại các Điều 7, Điều 9 và Điều 8 Nghị định này;

đ) Tổ chức được công nhận không báo cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Nghị định này hoặc báo cáo không trung thực.



2. Giấy công nhận bị huỷ bỏ hiệu lực trong các trường hợp sau:

- a) Tổ chức có hành vi giả mạo nội dung hồ sơ yêu cầu công nhận, cấp lại;
- b) Tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung trên Giấy chứng nhận được cấp.

3. Người đứng đầu tổ chức được cấp Giấy công nhận có trách nhiệm gửi yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy công nhận bằng văn bản và các tài liệu chứng minh đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 hoặc khoản 1 Điều 29 Nghị định này.

4. Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm gửi yêu cầu huỷ bỏ hiệu lực Giấy công nhận bằng văn bản và các tài liệu liên quan đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 hoặc khoản 1 Điều 29 Nghị định này.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu chấm dứt Giấy công nhận, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 hoặc khoản 1 Điều 29 Nghị định này có trách nhiệm trả lời tổ chức, cá nhân về tính hợp lệ của hồ sơ.

6. Phương thức chấm dứt hiệu lực, huỷ bỏ hiệu lực Giấy công nhận:

a) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 hoặc khoản 1 Điều 29 Nghị định này xem xét chấm dứt, huỷ bỏ hoặc từ chối chấm dứt, huỷ bỏ hiệu lực Giấy công nhận.

b) Trong trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 hoặc khoản 1 Điều 29 Nghị định này có thể thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu chấm dứt, huỷ bỏ hiệu lực Giấy công nhận. Thành phần, nguyên tắc làm việc, trình tự làm việc của Hội đồng được thực hiện theo quy định tương ứng tại điểm b và điểm c khoản 2, 3 và 4 Điều 11 Nghị định này. Các biểu mẫu của Hội đồng quy định tại Phụ lục V, VI và VII ban hành kèm theo Nghị định này. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày có kết luận của Hội đồng tư vấn thẩm định, cơ quan có thẩm quyền xem xét chấm dứt, huỷ bỏ hoặc từ chối chấm dứt, huỷ bỏ hiệu lực Giấy công nhận.

7. Tổ chức bị huỷ bỏ hiệu lực Giấy công nhận chịu trách nhiệm trước pháp luật về các ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích đã được hưởng theo quy định của pháp luật.

## **Điều 20. Chấm dứt, huỷ bỏ hiệu lực Giấy công nhận cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo**

1. Giấy công nhận bị chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

a) Cá nhân mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.

b) Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo bị tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt

động, chấm dứt kinh doanh, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể.

2. Giấy công nhận bị hủy bỏ hiệu lực trong các trường hợp sau:

a) Có hành vi giả mạo hoặc cung cấp thông tin sai lệch liên quan đến nội dung hồ sơ yêu cầu công nhận cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

b) Cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được công nhận không đúng thẩm quyền, thủ tục theo quy định.

3. Cá nhân, nhóm cá nhân, người đại diện pháp luật của doanh nghiệp được cấp Giấy công nhận có trách nhiệm gửi yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy công nhận bằng văn bản và các tài liệu chứng minh đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định này.

4. Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm gửi yêu cầu hủy bỏ hiệu lực Giấy công nhận bằng văn bản và các tài liệu liên quan đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định này.

5. Phương thức chấm dứt, hủy bỏ hiệu lực Giấy công nhận:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định này có trách nhiệm trả lời cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp về tính hợp lệ của hồ sơ;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định này xem xét chấm dứt, hủy hiệu lực Giấy công nhận.

c) Trong trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định này có thể thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu chấm dứt, hủy bỏ hiệu lực Giấy công nhận. Thành phần, nguyên tắc làm việc, trình tự làm việc của Hội đồng được thực hiện theo quy định tương ứng tại điểm b và điểm c khoản 2, 3 và 4 Điều 11 Nghị định này, các biểu mẫu của Hội đồng theo Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định này. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày có kết luận của Hội đồng tư vấn thẩm định, cơ quan có thẩm quyền xem xét chấm dứt, hủy bỏ hoặc từ chối chấm dứt, hủy bỏ hiệu lực Giấy công nhận.

6. Cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo bị hủy bỏ hiệu lực Giấy công nhận chịu trách nhiệm trước pháp luật về các ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích đã được hưởng theo quy định của pháp luật.

**Điều 21. Chấm dứt, hủy bỏ hiệu lực Giấy công nhận chuyên gia hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo**

1. Giấy công nhận bị chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

a) Chuyên gia có yêu cầu từ bỏ được công nhận;

b) Chuyên gia không đáp ứng được quy định tại Điều 10 Nghị định này;

c) Chuyên gia không báo cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định này hoặc báo cáo không trung thực.

2. Giấy công nhận bị huỷ bỏ hiệu lực trong các trường hợp sau:

- a) Chuyên gia có hành vi giả mạo nội dung hồ sơ yêu cầu công nhận, cấp lại;
- b) Tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung trên Giấy chứng nhận được cấp.

3. Chuyên gia có trách nhiệm gửi yêu cầu chấm dứt hiệu lực Giấy công nhận bằng văn bản và các tài liệu chứng minh đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định này.

4. Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm gửi yêu cầu huỷ bỏ hiệu lực Giấy công nhận bằng văn bản và các tài liệu liên quan đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định này.

5. Phương thức chấm dứt, huỷ bỏ Giấy công nhận

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm trả lời tổ chức, cá nhân về tính hợp lệ của hồ sơ.

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét chấm dứt, huỷ bỏ hiệu lực hoặc từ chối chấm dứt, huỷ bỏ hiệu lực Giấy công nhận.

6. Chuyên gia bị huỷ bỏ hiệu lực Giấy công nhận chuyên gia hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo chịu trách nhiệm trước pháp luật về các ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích đã được hưởng theo quy định của pháp luật.

#### **CHƯƠNG IV. THÚC ĐẨY ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO**

**Điều 22. Thúc đẩy phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo; cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; cá nhân, tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo**

1. Trung tâm đổi mới sáng tạo; cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; cá nhân, tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo được hưởng các chính sách ưu đãi cao nhất và các thủ tục hành chính thuận lợi nhất theo quy định của pháp luật.

2. Trung tâm đổi mới sáng tạo; cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; cá nhân, tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo được công nhận theo quy định tại Nghị định này được ưu tiên hỗ trợ tham gia mạng lưới, sự kiện đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo trong nước và quốc tế; các đề án, dự án, chương trình về thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo.

3. Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia, tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo cấp quốc gia được hưởng ưu đãi, hỗ trợ như đối với các trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia.

4. Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh được hưởng ưu đãi, hỗ trợ quy định tại khoản 3 Điều này, ngoại trừ các ưu đãi, hỗ trợ về thuế nhập khẩu, đất đai và tạo mặt bằng hoạt động, thị thực và lao động nước ngoài.

### **Điều 23. Hỗ trợ phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia**

1. Căn cứ vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng giai đoạn, Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án hỗ trợ phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia” và tổ chức triển khai sau khi được phê duyệt.

2. Đề án hỗ trợ phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia nhằm thực hiện mục tiêu sau đây:

a) Hoàn thiện hệ thống pháp lý đổi mới sáng tạo; xây dựng và phát triển hạ tầng số, cơ sở dữ liệu quốc gia về đổi mới sáng tạo;

b) Cải thiện Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) của Việt Nam, Chỉ số đổi mới sáng tạo địa phương (PII) và các chỉ số liên quan đến đổi mới sáng tạo;

c) Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia liên kết chặt chẽ với khu vực và thế giới. Phát triển các hệ thống đổi mới sáng tạo trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ gắn với các chuỗi giá trị nội địa và toàn cầu, các cụm liên kết ngành; trong đó các trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia có vai trò dẫn dắt các hoạt động đổi mới sáng tạo;

d) Nâng cao tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo. Đến năm 2030, tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 40% trong tổng số doanh nghiệp.

3. Căn cứ vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Bộ, ngành, địa phương trong từng giai đoạn, các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng, ban hành, triển khai đề án trong phạm vi quản lý.

### **Điều 24. Hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo quốc gia**

1. Căn cứ vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng giai đoạn, Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo quốc gia” và tổ chức triển khai sau khi được phê duyệt.

2. Đề án hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo quốc gia nhằm thực hiện mục tiêu sau đây:

a) Tạo lập môi trường thuận lợi để thúc đẩy, hỗ trợ quá trình hình thành và phát triển loại hình doanh nghiệp khởi nghiệp;

b) Hoàn thiện hệ thống pháp lý hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; phát triển Công thông tin khởi nghiệp sáng tạo quốc gia;

c) Hỗ trợ cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, cá nhân, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo;

d) Phát triển mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo quốc gia, thúc đẩy sự tương tác, kết nối nguồn lực trong hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trong nước, nước ngoài.

đ) Phát triển, kết nối hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo quốc gia với quốc tế.

3. Căn cứ vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Bộ, ngành, địa phương trong từng giai đoạn, các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng, ban hành, triển khai đề án trong phạm vi quản lý.

### **Điều 25. Ngày hội đổi mới sáng tạo quốc gia; Ngày hội khởi nghiệp sáng tạo quốc gia**

1. Ngày 01 tháng 10 hằng năm là Ngày hội đổi mới sáng tạo quốc gia (INNOVATION DAY) do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức chính trị - xã hội tổ chức tại một số địa phương, vùng kinh tế và một số địa bàn quốc tế trọng điểm để trình diễn, giới thiệu các công nghệ mới, công nghệ tiên tiến được chuyển giao, làm chủ; đồng thời trao đổi, thảo luận về việc hoàn thiện và thực thi hiệu quả các giải pháp chính sách tạo thuận lợi và thúc đẩy hoạt động ứng dụng, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các ngành, lĩnh vực.

2. Ngày hội khởi nghiệp sáng tạo quốc gia (TECHFEST) là sự kiện thường niên do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức chính trị - xã hội tổ chức tại một số địa phương, vùng kinh tế và một số địa bàn quốc tế trọng điểm để tạo động lực cho cộng đồng khởi nghiệp sáng tạo, gắn kết hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo Việt Nam với thế giới.

3. Các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức chính trị - xã hội, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo có tiềm năng phát triển hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo tổ chức Ngày hội đổi mới sáng tạo, Ngày hội khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc trong các lĩnh vực chuyên ngành.

Ngân sách trung ương hỗ trợ kinh phí tổ chức thực hiện Ngày hội đổi mới sáng tạo quốc gia, Ngày hội khởi nghiệp sáng tạo quốc gia và các hoạt động liên quan cấp vùng, liên vùng, liên ngành, quốc gia và quốc tế; Ngân sách của bộ, ngành, địa phương hỗ trợ kinh phí tổ chức thực hiện các sự kiện đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc trong các lĩnh vực chuyên ngành.

3. Hằng năm, các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, các địa phương xây dựng kế hoạch, dự toán ngân sách nhà nước thực hiện Khoản 1 và 2 Điều này.

### **Điều 26. Tuyên truyền, phổ biến đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo**

1. Chính phủ khuyến khích người dân, doanh nghiệp, tổ chức thực hiện hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo.

2. Hằng năm, các Bộ, ngành, địa phương tổ chức các sự kiện để thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo; hoạt động hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo theo ngành, lĩnh vực; lựa chọn các dự án đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo khả thi để hỗ trợ thực hiện, nhân rộng.

3. Hằng năm, các Bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch và bố trí kinh phí để tuyên truyền, phổ biến đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo.

### **Điều 27. Tôn vinh, khen thưởng**

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo được tôn vinh, khen thưởng.

2. Kinh phí cho các cuộc thi về đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo lấy từ nguồn ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định hiện hành và kinh phí huy động từ các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG V. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO**

### **Điều 28. Bộ Khoa học và Công nghệ**

1. Là cơ quan có thẩm quyền công nhận, cấp lại, chấm dứt, hủy bỏ hiệu lực Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia, Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, Giấy công nhận tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo cấp quốc gia, Giấy công nhận tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh.

2. Chủ trì xây dựng kế hoạch, dự toán và bố trí kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hằng năm, kinh phí từ các chương trình, quỹ, dự án đầu tư, dự án hỗ trợ đổi mới sáng tạo trong nước và quốc tế có nội dung phù hợp để tổ chức thực hiện Nghị định này.

4. Xây dựng và phê duyệt các nội dung chi cho các hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo.

5. Xây dựng hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo quốc gia; tổ chức xây dựng, quản lý, phát triển, duy trì mạng lưới, cơ sở dữ liệu hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan thiết lập, kết nối, liên thông và chia sẻ thông tin về mạng lưới, cơ sở dữ liệu hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo.

6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các quy định về hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo; thẩm định và có ý kiến về các vấn đề liên quan đến đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo của các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ.

7. Yêu cầu các bộ, ngành, địa phương báo cáo kết quả hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo, tổng hợp báo cáo với Chính phủ.

8. Ban hành các nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho các hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo.

### **Điều 29. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

1. Là cơ quan có thẩm quyền công nhận, cấp lại, chấm dứt, hủy bỏ hiệu lực Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, Giấy công nhận tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận cá nhân, nhóm cá nhân, khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận chuyên gia hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo và thông báo cho Bộ Khoa học và Công nghệ trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định công nhận, cấp lại, chấm dứt, hủy bỏ hiệu lực Giấy công nhận.

2. Xây dựng ban hành, phổ biến, hướng dẫn, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các chương trình, kế hoạch của địa phương về đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo.

3. Bố trí kinh phí để thực hiện các hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo theo chương trình, kế hoạch đã được ban hành.

4. Cung cấp, cập nhật thông tin về mạng lưới, cơ sở dữ liệu hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo; công bố thông tin theo quy định trên Cổng thông tin điện tử của địa phương và thực hiện công khai thông tin về hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo trên Cổng thông tin Cổng thông tin điện tử của địa phương.

5. Chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc cấp Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, Giấy công nhận tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận cá nhân, nhóm cá nhân, khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận chuyên gia hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo; và quản lý hoạt động

đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo ở địa phương.

6. Có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp, đánh giá hiệu quả hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo.

7. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp kết quả hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo, báo cáo về Bộ Khoa học và Công nghệ định kỳ trước ngày 31 tháng 03 hằng năm.

8. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể ban hành các quy định cụ thể thuộc phạm vi, thẩm quyền và tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan để ưu đãi, hỗ trợ các trung tâm đổi mới sáng tạo; cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; cá nhân, tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo phù hợp với điều kiện thực tiễn ở địa phương.

### **Điều 30. Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ**

#### **1. Bộ Tài chính**

a) Ban hành mức hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước theo các nội dung chi do Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt cho các hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo;

b) Bố trí kinh phí sự nghiệp, đầu tư để thực hiện các nội dung của Nghị định này.

2. Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, dựa trên nhu cầu thực tế của lĩnh vực quản lý.

a) Xây dựng kế hoạch hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo hằng năm và 5 năm trên cơ sở nội dung của Nghị định này;

b) Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo theo kế hoạch hằng năm và 5 năm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; tăng cường liên kết với các đơn vị tư nhân để triển khai các hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo.

## **CHƯƠNG VI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 31. Điều khoản chuyển tiếp**

Các trung tâm đổi mới sáng tạo; cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; cá nhân, tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo được thành lập và hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, lựa chọn một hoặc một số loại hình tổ chức, cá nhân phù hợp và thực hiện đăng ký công nhận trong vòng 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

### **Điều 32. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày .... tháng....năm 2025



### **Điều 33. Tổ chức thực hiện**

1. Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Nghị định này.

2. Các trung tâm đổi mới sáng tạo; cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo được công nhận thực hiện báo cáo định kỳ trước ngày 31 tháng 03 hằng năm (theo biểu mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này) hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý theo quy định tại Điều 28 hoặc Điều 29 Nghị định này.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

#### ***Nơi nhận:***

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. CHÍNH PHỦ**

## DANH MỤC PHỤ LỤC

*(Kèm theo Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ)*

<b>Phụ lục I</b>	<b>Công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo</b>
Mẫu số I.01	Yêu cầu công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo
Mẫu số I.02	Thuyết minh trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia
Mẫu số I.03	Thuyết minh trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh
Mẫu số I.04	Thuyết minh trung tâm đổi mới sáng tạo
Mẫu số I.05	Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia
Mẫu số I.06	Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh
Mẫu số I.07	Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo
Mẫu số I.08	Yêu cầu cấp lại Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo
Mẫu số I.09	Giấy công nhận (cấp lại) trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia
Mẫu số I.10	Giấy công nhận (cấp lại) trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh
Mẫu số I.11	Giấy công nhận (cấp lại) trung tâm đổi mới sáng tạo
<b>Phụ lục II</b>	<b>Công nhận cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo</b>
Mẫu số II.01	Yêu cầu công nhận cá nhân, nhóm cá nhân khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo
Mẫu số II.02	Thuyết minh cá nhân, nhóm cá nhân khởi nghiệp sáng tạo
Mẫu số II.03	Thuyết minh doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo
Mẫu số II.04	Giấy công nhận cá nhân/nhóm cá nhân khởi nghiệp sáng tạo
Mẫu số II.05	Giấy công nhận doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo
<b>Phụ lục III</b>	<b>Công nhận tổ chức, cá nhân hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo</b>
Mẫu số III.01	Yêu cầu công nhận tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo
Mẫu số III.02	Thuyết minh tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo cấp quốc gia
Mẫu số III.03	Thuyết minh tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh

Mẫu số III.04	Thuyết minh tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo
Mẫu số III.05	Giấy công nhận tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo cấp quốc gia
Mẫu số III.06	Giấy công nhận tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh
Mẫu số III.07	Giấy công nhận tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo
Mẫu số III.08	Yêu cầu cấp lại công nhận tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo
Mẫu số III.09	Giấy công nhận (cấp lại) tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo cấp quốc gia
Mẫu số III.10	Giấy công nhận (cấp lại) tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh
Mẫu số III.11	Giấy công nhận (cấp lại) tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo
Mẫu số III.12	Yêu cầu công nhận chuyên gia hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo
Mẫu số III.13	Thuyết minh chuyên gia hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo
Mẫu số III.14	Giấy công nhận chuyên gia hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo
Mẫu số III.15	Yêu cầu cấp lại giấy công nhận chuyên gia hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo
Mẫu số III.16	Giấy công nhận (cấp lại) chuyên gia hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo
<b>Phụ lục IV</b>	<b>Báo cáo định kỳ</b>
Mẫu số IV.01	Báo cáo định kỳ của tổ chức đổi mới sáng tạo cấp quốc gia
Mẫu số IV.02	Báo cáo định kỳ của tổ chức đổi mới sáng tạo cấp tỉnh
Mẫu số IV.03	Báo cáo định kỳ của tổ chức đổi mới sáng tạo
Mẫu số IV.04	Báo cáo định kỳ của cá nhân, nhóm cá nhân khởi nghiệp sáng tạo
Mẫu số IV.05	Báo cáo định kỳ của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo

Mẫu số IV.06	Báo cáo định kỳ của tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo cấp quốc gia
Mẫu số IV.07	Báo cáo định kỳ của tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh
Mẫu số IV.08	Báo cáo định kỳ của tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo
<b>Phụ lục V</b>	<b>Hội đồng tư vấn thẩm định (công nhận, chấm dứt, hủy bỏ) trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia</b>
<b>Phụ lục VI</b>	<b>Hội đồng tư vấn thẩm định (công nhận, chấm dứt, hủy bỏ) trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh</b>
<b>Phụ lục VII</b>	<b>Hội đồng tư vấn thẩm định (công nhận, chấm dứt, hủy bỏ) trung tâm đổi mới sáng tạo</b>
<b>Phụ lục VIII</b>	<b>Hội đồng tư vấn thẩm định (công nhận, chấm dứt, hủy bỏ) cá nhân, nhóm cá nhân khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo</b>
<b>Phụ lục IX</b>	<b>Hội đồng tư vấn thẩm định (công nhận, chấm dứt, hủy bỏ) tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo cấp quốc gia</b>
<b>Phụ lục X</b>	<b>Hội đồng tư vấn thẩm định (công nhận, chấm dứt, hủy bỏ) tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh</b>
<b>Phụ lục XI</b>	<b>Hội đồng tư vấn thẩm định (công nhận, chấm dứt, hủy bỏ) tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo</b>